

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chử Cần.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Lê Quang Xet.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 18, khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Th trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị Th và ông Trần Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 159, Quyền số 01/01 ngày 02/3/2001. Thời gian đầu 02 vợ chồng chung sống vui vẻ hòa thuận, hai con trai lần lượt ra đời nhưng sau đó do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng về quan điểm sống, không cảm thông, chia sẻ, yêu thương nhau. Ông T thường xuyên đi nhậu với bạn bè và chửi, có lời nói xúc phạm bà Th. Bà Th cũng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, khuyên giải ông T nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân, bà Th dọn về ở chung với mẹ ruột tại tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương từ năm 2018 cho đến

nay. Các con cũng sống chung với bà Th tại địa chỉ trên. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh H1, sinh ngày 15/6/2001 và Trần Thanh H2, sinh ngày 27/01/2008. Các con chung hiện đang sống với bà Phan Thị Th nên bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thanh H2, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thanh H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Phan Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông Trần Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Th, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị Th được ly hôn với ông Trần Văn T.

+ Về con chung: Do bà Phan Thị Th hiện đang nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh H2 nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Phan Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: bà Th không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn ông Trần Văn T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Th và ông Trần Văn T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 159, Quyển số 01/01 ngày 02/3/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông T sau khi uống rượu, bia với bạn bè thường chửi mắng, có lời nói xúc phạm bà Th. Bà Th đã chuyển về sống chung với mẹ ruột tại tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương từ năm 2018 cho đến nay.

Bị đơn ông Trần Văn T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là thể hiện thái độ bỏ mặc và không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Phan Thị Th và ông Trần Văn T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh H1, sinh ngày 15/6/2001 và Trần Thanh H2, sinh ngày 27/01/2008. Các con chung hiện đang sống với bà Phan Thị Th nên bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thanh H2, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H2, đối với cháu Trần Thanh H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu Trần Thanh H2 hiện nay đang sống với bà Th nên cần giữ ổn định về chỗ ở để không ảnh hưởng tâm lý, sự phát triển bình thường của trẻ. Hơn nữa, tại bản tự khai, cháu H2 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Ngoài ra, bà Th có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Trần Thanh H2 cho bà Th nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp sau này bà Th khó khăn hoặc nhu cầu cấp dưỡng của cháu H2 có sự thay đổi thì bà Th có quyền yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Phan Thị Th phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Th về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Th được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên là Trần Thanh H2, sinh ngày 27/01/2008 cho bà Phan Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phan Thị Th và ông Trần Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Th về việc không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Th phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005806 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Th có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Trần Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chử Cần